

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN YÊN THẾ
TỈNH BẮC GIANG**

Bản án số: 50/2024/DS-ST

Ngày 13/9/2024

V/v: Tranh chấp hợp đồng vay
tài sản

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN THẾ, TỈNH BẮC GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Toàn

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lục Viết Sang

2. Ông Đỗ Ngọc Thắng

- Thư ký phiên tòa: Ông Triệu Quang Hưng- Thư ký Toà án nhân dân huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Yên Thế tham gia phiên tòa: Ông Ngô Đức Nghiêm- Kiểm sát viên.

Trong ngày 13 tháng 9 năm 2024, tại Hội trường xét xử Toà án nhân dân huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 42/2024/TLST-DS ngày 03 tháng 5 năm 2024 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 76/2024/QĐXXST- DS ngày 05 tháng 8 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 86/2024/QĐST-DS ngày 26 tháng 8 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn:

1. Bà Trần Thị M, sinh ngày 09/10/1980; Địa chỉ: Thôn Đ, xã T, huyện Y, tỉnh Bắc Giang- Có đơn xin vắng mặt.

2. Bà Vũ Thị N, sinh năm 1975; Địa chỉ: Làng D, X, Y, Bắc Giang- Có đơn xin vắng mặt.

- Bị đơn: Bà Thân Thị O, sinh năm 1978. Địa chỉ: Bản C, xã T, huyện Y, tỉnh Bắc Giang- Vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Đinh Xuân N1, sinh năm 1976 (chồng bà M); Địa chỉ: Thôn Đ, xã T, huyện Y, tỉnh Bắc Giang- Vắng mặt.

2. Ông Ngô Văn H, sinh năm 1975 (chồng bà O); Địa chỉ: Bản C, xã T, huyện Y, tỉnh Bắc Giang- Vắng mặt.

3. Vũ Đình Đ, sinh năm 1974, sinh năm 1974. Địa chỉ: Làng D, X, Y, Bắc Giang- Vắng mặt.

- Người làm chứng: Ông Nguyễn Tiến Q, sinh năm 1976; Địa chỉ: Thôn H, xã P, huyện T, tỉnh Bắc Giang- Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn (bà Trần Thị M, bà Vũ Thị N) trình bày:

Bà Trần Thị M và bà Vũ Thị N là những người cùng góp tiền để mua thửa đất thổ cư của bà Thân Thị O tại Bản C, xã T, huyện Y, tỉnh Bắc Giang. Trước khi hai bên ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, tổng số tiền bà O đã nhận của bà M, bà N và tiền bà M, bà N trả nợ thay cho bà O là 859.000.000đ (T trăm năm mươi chín triệu đồng).

Sau đó hai bên có thỏa thuận về việc bà M và bà N nhận chuyển nhượng của bà O thửa đất tại bản Chàm, xã T với giá 600.000.000đồng (Sáu trăm triệu đồng).

Vì vậy, ngày 25/4/2023 hai bên chốt số tiền bà O còn nợ của bà M, bà N là 259.000.000đồng (Hai trăm năm mươi chín triệu đồng). Hai bên thỏa thuận bà mai và bà N chuyển số tiền này sang cho bà O vay nợ, thời hạn một tháng sau bà O sẽ trả.

Tuy nhiên, từ tháng 05/2023 đến nay, bà O mới trả cho bà M và bà N được 38.000.000đồng (Ba mươi tám triệu đồng), cụ thể: Ngày 15/05/2023 trả 18.000.000đồng (Mười tám triệu đồng) ; ngày 24/05/2023 trả 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng).

Quá trình nhận tiền và trả tiền cho tới khi chốt số nợ còn lại 221.000.000đồng (Hai trăm hai mươi một triệu đồng) vào ngày 24/05/2023 đều được lập giấy nợ và bà O ký nhận. Số tiền 221.000.000đồng (Hai trăm hai mươi một triệu đồng) còn lại đến nay đã quá hạn nhưng bà O vẫn chưa trả bà M và bà N. Bà M và bà N đã nhiều lần đòi nhưng bà O vẫn không trả.

Do vậy, bà M, bà N đề nghị Tòa án nhân dân huyện Yên Thế giải quyết buộc bà O phải trả cho bà M và bà N số tiền 221.000.000đồng (Hai trăm hai mươi một triệu đồng) tiền nợ gốc và lãi suất chậm trả bà M và bà N tạm tính từ ngày 01/6/2023 đến ngày khởi kiện 15/12/2023 là: 11.970.833đồng (Mười một triệu chín trăm bảy mươi nghìn tám trăm ba mươi ba đồng); đồng thời yêu cầu bà O phải trả cho bà M và bà N lãi suất theo quy định của pháp luật kể từ ngày khởi kiện 15/12/2023 cho tới khi trả hết nợ. Trước ngày mở phiên tòa, bà N và bà M yêu cầu bà O phải trả số tiền lãi chậm trả trên tổng số tiền nợ gốc 221.000.000đồng, tính từ ngày 01/6/2023 cho đến ngày xét xử sơ thẩm và cho đến khi bà O trả hết số tiền nợ cho bà M và bà N,

mức lãi suất là 10%/1 năm theo quy định của Bộ luật dân sự. Ngoài ra, bà [M](#) và bà [N](#) không yêu cầu gì khác.

Việc giữa bà [M](#) và bà [N](#) mỗi người góp tỷ lệ bao nhiêu tiền để cho bà [O](#) vay số tiền nêu trên, bà [M](#) và bà [N](#) đề nghị Tòa án không xem xét giải quyết, bà [M](#) và bà [N](#) tự thỏa thuận với nhau về các phần tiền cho vay và được trả (nếu có sau này).

Bị đơn (bà [Thân Thị O](#)): Đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt và cũng không gửi ý kiến, văn bản đến Tòa án, vì vậy không có lời khai trong hồ sơ. Tòa án đã niêm yết, đồng thời giao các thông báo, giấy triệu tập, quyết định của Tòa án cho ông [Ngô Văn H](#)- là chồng bà [O](#), đề nghị giao lại các văn bản tố tụng của Tòa án cho bà [O](#); ông [H](#) xác nhận bà [O](#) đã nhận đầy đủ các thông báo, giấy triệu tập, quyết định của Tòa án do ông [H](#) giao lại, bà [O](#) đã nắm rõ, bà [O](#) đã nhận được đầy đủ. Tuy nhiên do vợ chồng ông [H](#), bà [O](#) làm công việc nhà hàng nên không có thời gian đến Tòa án làm việc được.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (ông [Ngô Văn H](#)) trình bày: Ông [H](#) và bà [O](#) có mối quan hệ là vợ chồng. Về nội dung bà [M](#), bà [N](#) có mua đất của gia đình ông [H](#), bà [O](#) và đặt cọc số tiền 250.000.000đ, ông [H](#) có được tham gia và ký vào hợp đồng. Sau đó hai bên bàn giao đủ tiền và bàn giao đất theo thỏa thuận. Về việc sau này bà [Trần Thị M](#) và [Vũ Thị N](#) có đưa thêm cho bà [O](#) bao nhiêu tiền và mục đích như thế nào ông [H](#) không được biết. Nay bà [M](#), bà [O](#) khởi kiện bà [O](#) đòi nợ tiền vay gốc là 221.000.000đồng (Hai trăm hai mươi một triệu đồng) và lãi chậm trả, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định. Việc vay nợ giữa bà [M](#), bà [N](#) và bà [O](#), ông [H](#) không liên quan.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan (ông [Đình Xuân N1](#)) trình bày: Ông [N1](#) đồng ý với ý kiến của bà [M](#) (vợ ông [N1](#)).

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan (ông [Vũ Đình Đ](#)) trình bày: Ông [Đ](#) đồng ý với ý kiến của bà [N](#) (vợ ông [Đ](#)).

Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Thế phát biểu ý kiến, việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã đảm bảo đúng theo quy định; Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án cơ bản đúng quy định của pháp luật, đối với bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là bà [Thân Thị O](#), ông [Ngô Văn H](#) chưa chấp hành theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ các Điều: 275; 463, 466, 468, 469; khoản 2 Điều 357; Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự; Điều 26; Điều 35; Điều 39; Điều 147; Điều 271; Điều 273; Điều 227; Điều 228; Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà [Trần Thị M](#) và bà [Vũ Thị N](#).

Buộc bà [Thân Thị O](#) phải có nghĩa vụ thanh toán trả bà [Trần Thị M](#) và bà [Vũ Thị N](#) số tiền còn nợ gốc và lãi là: 249.361.700đ (Hai trăm bốn mươi chín triệu ba

trăm sáu mươi một nghìn bảy trăm đồng), gồm tiền vay gốc là 221.000.000đồng (Hai trăm hai mươi một triệu đồng) và tiền lãi là 28.361.700đ (Hai mươi tám triệu ba trăm sáu mươi một nghìn bảy trăm đồng)

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án: Bà [Thân Thị O](#) phải chịu 12.468.100đồng (Mười hai triệu bốn trăm sáu mươi tám nghìn một trăm đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm; Bà [Trần Thị M](#) và bà [Vũ Thị N](#) không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả tiền tạm ứng án phí cho bà [Trần Thị M](#) số tiền 5.815.100đồng (Năm triệu tám trăm mười lăm nghìn một trăm đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004920 ngày 03/5/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Yên Thế.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn là bà [Trần Thị M](#), bà [Vũ Thị N](#) có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm; bà [Thân Thị O](#), ông [Ngô Văn H](#) là bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được Tòa án triệu tập, thông báo thụ lý vụ án, thông báo hoà giải hợp lệ đến lần thứ hai và đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa xét xử lần thứ 2 nhưng đương sự vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 207; khoản 2 Điều 227 và Điều 338 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt đương sự có tên nêu trên.

Căn cứ đơn khởi kiện của bà [Trần Thị M](#) và bà [Vũ Thị N](#) đây xác định là quan hệ tranh chấp hợp đồng vay tài sản, quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về quan hệ tranh chấp:

[2].1. Bà [Trần Thị M](#), bà [Vũ Thị N](#) và bà [Thân Thị O](#) tự nguyện thỏa thuận cho nhau vay tiền, thể hiện trong giấy nhận nợ có xác nhận của bà [O](#) ngày 25/4/2023, ngày 15/05/2023 và ngày 24/05/2023, được xác nhận là hợp đồng hợp pháp được pháp luật bảo vệ.

[2].2. Xét yêu cầu của bà [Trần Thị M](#) và bà [Vũ Thị N](#) yêu cầu bà [Thân Thị O](#) phải trả số tiền vay gốc là 221.000.000đồng (Hai trăm hai mươi một triệu đồng), thấy rằng: Bà [M](#) và bà [N](#) xác định sau khi thỏa thuận về việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất với giá 600 triệu đồng, nhưng trước đó bà [M](#) và bà [O](#) đã chuyển cho bà

O tổng số tiền là 859.000.000đ (T trăm năm mươi chín triệu đồng), số tiền bà M và bà N chuyển thừa cho bà O là 259.000.000đ (Hai trăm năm mươi chín triệu đồng), ngày 25/4/2023 hai bên thỏa thuận chuyển thành tiền bà O vay của bà M và bà N, hạn 01 tháng sau bà O trả lại đầy đủ cho bà M và bà O. Tuy nhiên, bà O mới trả cho bà M và bà N được tổng số tiền là 38.000.000đồng (Ba mươi tám triệu đồng) vào ngày 15/05/2023 và ngày 24/05/2023. Số tiền vay gốc bà O còn nợ của bà M và bà N là 221.000.000đồng (Hai trăm hai mươi một triệu đồng) bà O chỉ khát nợ, không trả được cho bà M và bà N thêm số tiền nào nữa.

Đối với bà O đã được Toà án triệu tập hợp lệ nhưng không đến Toà án để làm việc cũng như không có văn bản, ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình là tự tước bỏ đi quyền và nghĩa vụ mà pháp luật quy định cho bà O được thực hiện, vì vậy hậu quả của việc bà O không bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình, bà O phải gánh chịu.

Theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự quy định về những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh thì tình tiết “một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh”.

Vì vậy, xác định việc bà O còn nợ của bà M và bà N số tiền vay gốc là 221.000.000đồng (Hai trăm hai mươi một triệu đồng) là có căn cứ, cần buộc bà O phải có trách nhiệm thanh toán trả bà M và bà N số tiền này.

[2].3. Xét yêu cầu của bà Trần Thị M và bà Vũ Thị N yêu cầu bà Thân Thị O phải trả số tiền lãi phát sinh trên số tiền nợ gốc 221.000.000đ (Hai trăm hai mươi một triệu đồng) tính từ ngày 01/6/2023 đến ngày xét xử sơ thẩm 13/9/2024, mức lãi suất là 10%/năm, thấy rằng: Đối với số tiền 259.000.000đ (Hai trăm năm mươi chín triệu đồng) bà O còn nợ là của bà M và bà N, hai bên thỏa thuận bà O phải trả cho bà M và bà N sau 01 tháng kể từ ngày nhận vay là 25/4/2023. Tuy nhiên, sau khi hai bên thỏa thuận việc bà O nhận số tiền còn nợ chuyển sang tiền vay thì bà O mới trả cho bà M và bà N được tổng số tiền là 38.000.000đồng (Ba mươi tám triệu đồng) vào ngày 15/05/2023 và ngày 24/05/2023. Số tiền vay gốc bà O còn nợ của bà M và bà N là 221.000.000đồng (Hai trăm hai mươi một triệu đồng) đã hết thời hạn thỏa thuận 01 tháng bà O vẫn không trả được cho bà M và bà N nên bà O phải chịu tiền lãi chậm trả. Vì vậy, bà M và bà N yêu cầu bà O phải thanh toán tiền lãi chậm trả kể từ ngày 01/6/2023 đến nay xét xử theo mức lãi suất 10%/năm là phù hợp với quy định tại Điều 357 của Bộ luật dân sự.

Bà O phải chịu lãi suất chậm trả theo mức lãi suất là 10%/1 năm tương ứng với số tiền và thời hạn chậm trả tại thời điểm trả nợ theo yêu cầu của bà M và bà N là từ ngày 01/6/2023 đến ngày xét xử sơ thẩm 13/9/2024. Số tiền lãi chậm trả được xác định cụ thể là:

+ Số tiền gốc 221.000.000đ, lãi tính từ ngày 01/6/2023 đến ngày xét xử sơ thẩm 13/9/2024 là 15 tháng 12 ngày, số tiền lãi là $\{(221.000.000đ \times 10\% \times 15 \text{ tháng} : 12 = 27.625.000đ) + (221.000.000đ \times 10\% : 12 \times 12 \text{ ngày} : 30 = 736.666)\} = 28.361.666đ$, làm tròn thành 28.361.700đ (Hai mươi tám triệu ba trăm sáu mươi một nghìn bảy trăm đồng).

Như vậy, số tiền bà O còn nợ của bà M tiền vay gốc, tiền lãi của hợp đồng được xác định là: 221.000.000đ + 28.361.700đ = 249.361.700đ (Hai trăm bốn mươi chín triệu ba trăm sáu mươi một nghìn bảy trăm đồng), cần buộc bà Thân Thị O phải có nghĩa vụ thanh toán trả cho bà Trần Thị M và bà Vũ Thị N.

[2].4. Xét việc bà Trần Thị M và bà Vũ Thị N không xác định mỗi người góp tỷ lệ bao nhiêu tiền để cho bà O vay số tiền nêu trên, bà M và bà N không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết, bà M và bà N tự thỏa thuận với nhau về các phần tiền cho vay và được trả (nếu có sau này) là hoàn toàn tự nguyện, không trái với quy định của pháp luật và đạo đức xã hội, vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết trong vụ án.

[3]. Về án phí: Yêu cầu của bà Trần Thị M và bà Vũ Thị N được chấp nhận, vì vậy bà Trần Thị M và bà Vũ Thị N không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Bà Thân Thị O phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[4]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại các Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ các Điều: 275; 463, 466, 468, 469; khoản 2 Điều 357; Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự; Điều 26; Điều 35; Điều 39; Điều 147; Điều 271; Điều 273; Điều 227; Điều 228; Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị M và bà Vũ Thị N.

Buộc bà Thân Thị O phải có nghĩa vụ thanh toán trả bà Trần Thị M và bà Vũ Thị N số tiền còn nợ gốc và lãi là: 249.361.700đ (Hai trăm bốn mươi chín triệu ba trăm sáu mươi một nghìn bảy trăm đồng), gồm tiền vay gốc là 221.000.000đ (Hai trăm hai mươi một triệu đồng) và tiền lãi là 28.361.700đ (Hai mươi tám triệu ba trăm sáu mươi một nghìn bảy trăm đồng)

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án: Bà [Thân Thị O](#) phải chịu 12.468.100đồng (Mười hai triệu bốn trăm sáu mươi tám nghìn một trăm đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm; Bà [Trần Thị M](#) và bà [Vũ Thị N](#) không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả tiền tạm ứng án phí cho bà [Trần Thị M](#) số tiền 5.815.100đồng (Năm triệu tám trăm mười lăm nghìn một trăm đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004920 ngày 03/5/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Yên Thế.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được thông đạt bản án vắng mặt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Tòa án ND tỉnh Bắc Giang
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Yên Thế;
- Các đương sự;
- Chi cục thi hành án;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Xuân Toàn